TAND HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:11/2018/DSST

Ngày:17/9/2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG TỈNH BẮC NINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vinh

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thế Long

2. Ông Phạm Văn Quang

- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Tạ Thị Bích Ngọc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên toà: Bà Lưu Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/9/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", thụ lý số 30/2018/TLST-DS, ngày 16/7/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXXST-DS, ngày 17/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trương Đình L, sinh năm 1988 - Có mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1972

Chị Trương Thị L, sinh năm 1976 - Có mặt

Cùng trú tại: Thôn P, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2018 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Trương Đình L trình bày: Giữa anh và vợ chồng anh H, chị L là người cùng thôn, có họ hàng với nhau. Ngày 26/8/2015 (âm lịch), anh có cho vợ chồng anh H, chị L vay số tiền 1.000.000.000đ. Khi cho vay, hai bên lập thành văn bản, các bên đều tự nguyện ký hợp đồng, thời hạn vay là 1 năm, trong hợp đồng không ghi lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, mục đích vay để vợ chồng anh H, chị L lấy vốn làm ăn. Từ khi vay tính đến ngày 26/3/2016, anh H và chị L đã trả anh hết số tiền lãi theo thỏa thuận, còn tiền gốc chưa trả.

Từ ngày 27/3/2016 giữa anh và vợ chồng anh H, chị L có thỏa thuận miệng với nhau giảm lãi suất xuống còn 1,125%/ tháng, nhưng kể từ ngày 27/3/2016 đến nay anh H, chị L chưa trả anh được đồng nào tiền lãi.

Đến hạn trả nợ, anh có đòi anh H, chị L trả tiền nhiều lần nhưng anh, chị mới trả được anh 02 lần tiền gốc tổng số tiền là 60.000.000đ, cụ thể: Ngày 29/7/2017 trả được 30.000.000đ, ngày 27/12/2017 trả tiếp 30.000.000đ.

Như vậy, số tiền anh H, chị L còn nợ là 960.000.000đ. Anh khởi kiện yêu cầu anh H, chị L phải trả cho anh số tiền gốc còn nợ là 960.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 27/3/2016 theo thỏa thuận là 1,125%/tháng đến nay là 314.430.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.254.430.000đ.

Phía bị đơn là anh Nguyễn Văn H, chị Trương Thị L trình bày: Anh, chị thừa nhận về thời điểm vay, thời hạn vay, số tiền vay như anh L trình bày là đúng. Tuy nhiên, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2,5%/tháng. Sau đó, giữa vợ chồng anh, chị và anh L có thỏa thuận giảm lãi suất vay nhưng đến nay anh, chị không nhớ là bao nhiêu. Vợ chồng anh, chị có trả cho anh L số tiền gốc làm 2 lần, tổng là 60.000.0000đ. Số tiền lãi cũng đã trả nhưng đến nay không nhớ là trả được bao nhiêu và trả vào thời điểm nào. Đến hạn trả nợ, do làm ăn thua lỗ nên anh, chị không trả được nợ (cả tiền gốc và tiền lãi) cho anh L như đã thỏa thuận. Nay anh L yêu cầu vợ chồng anh chị phải trả số tiền nợ gốc là 940.000.000đ, tiền lãi là 314.430.000đ, vợ chồng anh chị đồng ý nhưng xin anh L chỉ trả số tiền gốc, còn tiền gốc, còn tiền lãi anh, chị không trả được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung đã trình bày.

Kết thúc phần tranh luận, đại diện viện kiểm sát tham gia phiên toà đã phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đại diện VKSND đề nghị: Căn cứ các Điều 26, 35 BLTTDS; Các Điều 427, 471, 473, 474, 476, 478 BLDS năm 2005 đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Đình L. Buộc anh H, chị L phải trả cho anh L số tiền 1.254.430.000đ. Trong đó tiền gốc là 960.000.000đ, tiền lãi tính từ ngày 27/3/2016 theo thỏa thuận là 1,125%/tháng đến nay là 314.430.000đ.

Áp dụng điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Do có quan hệ quen biết với nhau nên vào ngày 26/8/2015 âm lịch, giữa anh Trưng Đình L và vợ chồng anh Nguyễn Văn H, chị Trương Thị L có ký hợp đồng vay tiền, số tiền vay là 1.000.000.000đ. Hình thức hợp đồng, nội dung hợp đồng và thỏa thuận của các đương sự đều tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên xác định là hợp đồng hợp pháp. Đến nay các bên đều thừa nhận toàn bộ nội dung của hợp đồng đã ký kết. Nội dung hợp đồng các bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 năm kể từ ngay ký hợp đồng, lãi suất không ghi trong hợp đồng mà thỏa thuận bên ngoài. Đến nay hai bên đều không

nhớ và không có ý kiến hay tranh chấp gì về khoản tiền lãi suất đã trả cho nhau tính từ khi vay đến ngày 27/3/2016. Cũng bắt đầu từ ngày 27/3/2016 hai bên thỏa thuận lại lãi suất bằng 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là 1,125%/tháng. Thỏa thuận của các bên cũng tự nguyện và đến nay các bên đều chấp nhận với mức lãi này.

Đến năm 2017 anh H, chị L đã trả cho anh L được hai lần với số tiền là 60.000.000đ. hai bên thống nhất trừ vào số tiền gốc.

Nay anh L khởi kiện yêu cầu anh H, chị L phải trả anh số tiền số tiền 1.254.430.000đ. Trong đó tiền gốc là 960.000.000đ, tiền lãi tính từ ngày 27/3/2016 theo thỏa thuận là 1,125%/tháng đến nay là 314.430.000đ.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh L là đảm bảo đúng thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 427 BLDS năm 2005. Lãi suất các bên thỏa thuận không vượt quá lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tại thời điểm thỏa thuận . Do vậy, yêu cầu khởi kiện quả anh L là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về án phí: Buộc anh H, chị L phải chịu án phí DSST.

Ví các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 427, 471, 473, 474, 476, 478 BLDS năm 2005; Điều 26, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Đình L. Buộc anh Nguyễn Văn H và chị Trương Thị L phải trả cho anh Trương Đình L 1.254.430.000đ. Trong đó tiền gốc là 960.000.000đ, tiền lãi tính từ ngày 27/3/2016 đến ngày 19/7/2018 là 314.430.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thì hành án, các bên không thỏa thuận được lãi suất thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn H, chị Trương Thị L phải chịu 49.632.000đ tiền án phí DSST. Trả lại anh L 24.319.000đ tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003840 ngày 13/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Đương sự có mặt có quyền quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh.
- VKSND huyện
- Thi hành án
- Đương sự
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà